



KẾ HOẠCH

Thực hiện Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

*(Kèm theo Quyết định số 76/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Bảo đảm triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch tỉnh).

- Xác định lộ trình, tiến độ, tổ chức thực hiện, các nội dung, nhiệm vụ ưu tiên, trọng tâm và các nguồn lực nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, chương trình, đề án, dự án của Quy hoạch tỉnh.

- Xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách, giải pháp để huy động, thu hút các nguồn lực nhằm thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án, dự án tại Quy hoạch tỉnh.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật Quy hoạch năm 2017.

- Bảo đảm tính tuân thủ, tính kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; bảo đảm tính liên kết, thống nhất, đồng bộ giữa các chương trình, dự án, đề án của các cấp, các ngành.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực theo phương châm “lấy đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt nguồn lực ngoài nhà nước” để tạo đột phá thu hút vốn đầu tư phát triển và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Phân bổ nguồn lực đầu tư tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng cân đối, huy động nguồn lực; bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

- Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước, nhất là trong quản lý đầu tư nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt, cho các cấp, các ngành trong việc triển khai thực hiện kế hoạch.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH

1. Hoàn thiện đồng bộ hệ thống các quy hoạch

- Tiếp tục rà soát, bãi bỏ và thông báo công khai danh mục các quy hoạch đã hết hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch năm 2017.

- Rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị, nông thôn, các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Bến Tre theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

2. Triển khai các chương trình, dự án để triển khai thực hiện quy hoạch

a) Các dự án đầu tư công

- Tập trung, ưu tiên thực hiện các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, tạo sức lan tỏa lớn, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông chiến lược của tỉnh, thúc đẩy liên kết vùng, nội vùng; phát triển 03 vùng kinh tế - xã hội (vùng ven biển phía Đông, vùng phía Bắc sông Hàm Luông và vùng phía Nam sông Hàm Luông) gắn với 05 hành lang kinh tế (03 hành lang kinh tế theo hướng Tây - Đông và 02 hành lang kinh tế theo hướng Bắc - Nam). Trong đó, tập trung phát triển vùng ven biển phía Đông là vùng động lực của tỉnh (phát triển hạ tầng giao thông ven biển, cảng biển, hạ tầng logistics, hạ tầng công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng tái tạo, năng lượng mới; phát triển đô thị - dịch vụ - du lịch tổng hợp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thích ứng với biến đổi khí hậu) đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh để thu hút các nguồn vốn đầu tư, bảo đảm cơ cấu đầu tư hợp lý, hiệu quả.

- Tiếp tục ưu tiên đầu tư hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, thủy lợi, cấp, thoát nước, xử lý rác thải, nước thải, y tế, giáo dục, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; thực hiện các mục tiêu phát triển xanh và bền vững; quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng khó khăn của tỉnh.

b) Dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

- Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng của tỉnh nhằm phát huy hiệu quả đầu tư của các công trình hạ tầng đã và đang được thực hiện bằng nguồn vốn đầu tư công. Đẩy mạnh thu hút đầu tư mở rộng, nâng cao năng suất, hiệu quả các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- Các ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư bao gồm: Hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp (ưu tiên thu hút đầu tư phát triển khu công nghiệp và cụm công nghiệp tại khu vực phía Bắc và phía Đông của tỉnh gắn kết với sự

phát triển của vùng Bắc sông Hàm Luông và vùng ven biển phía Đông); phát triển các khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu chăn nuôi tập trung, trang trại trồng trọt, vùng nuôi trồng thủy sản, vùng chuyên canh quy mô lớn, áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, gắn với chế biến sâu; chế tạo ứng dụng công nghệ cao; năng lượng, nguồn điện và lưới điện; hạ tầng logistics, hệ thống cảng biển, bến cảng, đường thủy nội địa; thu hút đầu tư phát triển các khu dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao, sân golf; cơ sở hạ tầng giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, thương mại, dịch vụ, môi trường...

c) Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư đến năm 2030

- Định hướng danh mục các chương trình, đề án, dự án ưu tiên đầu tư, phân kỳ đầu tư và nguồn lực thực hiện đến năm 2030 theo các ngành, lĩnh vực.

(Danh mục các dự án thực hiện chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

- Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích đất sử dụng, hướng tuyến, tổng mức đầu tư và cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn thực hiện và các thông tin chi tiết của các dự án sẽ được cụ thể hóa trong quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, hoặc trong giai đoạn lập, thẩm định, chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các chương trình, dự án.

3. Kế hoạch sử dụng đất

Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre rà soát phương án kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021 - 2025) của tỉnh Bến Tre đã tổ chức lập theo quy định của pháp luật đất đai năm 2013 đảm bảo phù hợp với Luật Đất đai năm 2024, Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2023 và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 và điều chỉnh phân bổ một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 tại Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 để làm công tác quản lý đất đai tại địa phương, rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021 - 2030, lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.

4. Nguồn lực để thực hiện quy hoạch

Triển khai các giải pháp huy động các nguồn vốn trong Quy hoạch tỉnh Bến Tre đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; triển khai hiệu quả Nghị quyết của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; đẩy mạnh hợp tác công tư, khơi thông và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, lấy đầu tư công dẫn dắt và kích hoạt các nguồn lực xã hội.

Để thực hiện các mục tiêu trong quy hoạch, tổng nhu cầu vốn đầu tư toàn xã hội trong thời kỳ 2021 - 2030 khoảng 500 nghìn tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 190 nghìn tỷ đồng và giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 310 nghìn tỷ đồng, dự kiến phân bổ như sau:

Nguồn vốn	2021 - 2025		2026 - 2030	
	Tỷ đồng	%	Tỷ đồng	%
1. Vốn khu vực nhà nước	55.800	29,4	82.840	26,7
2. Vốn ngoài nhà nước	124.450	65,5	205.150	66,2
3. Vốn từ khu vực đầu tư nước ngoài	9.750	5,1	22.010	7,1
Tổng cộng	190.000	100	310.000	100

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển

Chủ động hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển của địa phương; tích cực phối hợp với các bộ, ngành trung ương, các địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long xây dựng, hoàn thiện thể chế chính sách phát triển vùng; xây dựng các chương trình, đề án, dự án trọng tâm, trọng điểm tạo đột phá phát triển cho tỉnh, vùng và phát triển ngành theo Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Về thu hút đầu tư phát triển

- Nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách thu hút đầu tư. Xây dựng cơ chế chính sách đột phá phù hợp với quy định của pháp luật để thu hút các nhà đầu tư chiến lược làm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào các khu du lịch, khu, cụm công nghiệp như: cấp điện, nước, đường giao thông; chú trọng thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện cho nhà đầu tư và chủ đầu tư triển khai thực hiện các dự án đầu tư đúng tiến độ đề ra. Kịp thời giải quyết các kiến nghị của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tạo quỹ đất sạch, nâng cao chất lượng hoạt động xúc tiến đầu tư, tạo môi trường đầu tư cởi mở, thông thoáng, minh bạch và hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Rà soát, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ công việc. Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư; hoàn thiện thủ tục hành chính trong việc đăng ký và triển khai các dự án đầu tư.

- Tăng cường đối thoại giữa doanh nghiệp và các cấp chính quyền; thường xuyên theo dõi, rà soát, đánh giá các hoạt động hỗ trợ nhà đầu tư, có cơ chế thu thập phản hồi, kiến nghị của nhà đầu tư và kịp thời giải quyết các kiến nghị của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính trong công tác thẩm định, cấp quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nhằm tạo môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn các nhà đầu tư đến tìm hiểu cơ hội và tiến hành đầu tư tại tỉnh; rà soát, thu hồi giấy chứng nhận đầu tư/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án triển khai chậm, kém hiệu quả.

3. Về phát triển nguồn nhân lực

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển nguồn nhân lực, định hướng chuyển dịch cơ cấu lao động và xu thế nghề nghiệp.

- Nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục, đảm bảo đầu tư có trọng điểm, không dàn trải, ưu tiên cho những vùng đặc biệt khó khăn.

- Củng cố chất lượng đào tạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tập trung cho các nghề trọng điểm; đẩy mạnh công tác đào tạo nghề theo đơn đặt hàng, theo địa chỉ của doanh nghiệp và nhu cầu phát triển.

- Khuyến khích khu vực ngoài công lập đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để hình thành mạng lưới cơ sở đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề, nhất là nhân lực chất lượng cao.

4. Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Thúc đẩy mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phát triển kinh tế của địa phương theo chiều sâu để từng bước tạo ra những sản phẩm, hàng hóa có thương hiệu và sức cạnh tranh trên thị trường trong nước, khu vực và thế giới, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Khuyến khích, thu hút nguồn lực đầu tư của doanh nghiệp cho hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Gắn kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp với nghiên cứu, đào tạo trên cơ sở chia sẻ lợi ích để nâng cao tính thực tiễn, lấy doanh nghiệp làm trung tâm ứng dụng và đổi mới công nghệ. Xây dựng cơ chế khuyến khích và hỗ trợ chuyển giao công nghệ, đặc biệt là từ các doanh nghiệp quốc tế.

- Tăng cường đầu tư kinh phí cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đẩy mạnh đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Về bảo đảm an sinh xã hội

- Chú trọng và tập trung phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, nhanh, bền vững; quan tâm đầu tư các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn, hỗ trợ, tạo điều kiện để người dân tộc thiểu số tiếp cận bình đẳng nguồn lực, cơ hội phát triển và hưởng thụ đầy đủ, công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản. Triển khai các chương trình xóa đói, giảm nghèo; củng cố hệ thống chính trị cơ sở; giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

- Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối khu vực khó khăn với các trung tâm đô thị, hành lang kinh tế. Triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đặc biệt khó khăn, vùng ven biển.

- Thực hiện tốt công tác đào tạo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, nhằm giúp cho nhóm yếu thế, nhóm dễ bị tổn thương và nhóm người nghèo ổn định cuộc sống, thoát nghèo và thoát nghèo bền vững.

- Quan tâm công tác dân tộc, tôn giáo; kịp thời phổ biến các luật và văn bản dưới luật để điều hành, chỉ đạo, tổ chức, hỗ trợ các tổ chức tôn giáo hoạt động đúng theo hiến chương, điều lệ của giáo hội và thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam.

6. Về bảo vệ tài nguyên, môi trường

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường. Tổ chức triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường đến từng tổ chức kinh tế, xã hội và công dân, nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của toàn xã hội. Nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường cho các dự án đầu tư.

- Xây dựng quy chế quản lý chất thải, ô nhiễm, tính đúng các chi phí về bảo vệ môi trường trong các dự án đầu tư mới theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; ưu tiên đầu tư, thu hút đầu tư các dự án xử lý rác thải, nghiên cứu áp dụng các công nghệ xử lý chất thải theo tiêu chuẩn quốc tế; tổ chức tốt hoạt động quản lý môi trường trong các khu, cụm công nghiệp, làng nghề.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, bố trí đủ cán bộ có trình độ chuyên môn sâu để phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề về môi trường.

- Khai thác hợp lý và quản lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất, bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên nước, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, bảo vệ và phát triển rừng. Triển khai đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát lòng sông) đối với các khu vực đã được khoanh định thăm dò, khai thác giai đoạn đến năm 2030 trong Quy hoạch tỉnh Bến Tre.

- Ưu tiên triển khai quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị mới có áp dụng các nguyên lý và kỹ thuật hiện đại nhằm hướng tới phát triển các đô thị sinh thái (tuần hoàn năng lượng, chất thải, bảo vệ và duy trì cảnh quan môi trường tự nhiên, tiêu dùng năng lượng tiết kiệm và năng lượng tái tạo) hoặc chỉnh trang đô thị với quy mô lớn theo định hướng sinh thái hóa, bền vững hóa các hoạt động kinh tế - xã hội và môi trường trong các đô thị.

- Thực hiện tốt công tác bảo tồn đa dạng sinh học theo quy hoạch tỉnh, bảo đảm phù hợp với mục tiêu quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia, định kỳ tổ chức rà soát quy hoạch để điều chỉnh kịp thời, phù hợp nhằm phát huy đa dạng sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

7. Bảo đảm nguồn lực tài chính

- Huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển. Cơ cấu lại chi ngân sách, tăng tỷ trọng chi đầu tư, giảm tỷ trọng chi thường xuyên; đổi mới cơ chế phân bổ, giao dự toán chi ngân sách theo hướng khoán chi, đặt hàng, đấu thầu, giao nhiệm vụ cho cơ quan, đơn vị gắn với chất lượng sản phẩm, hiệu quả công việc; đẩy nhanh tiến độ tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công.

- Xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công trung hạn các giai đoạn, ưu tiên các công trình quan trọng, cấp bách, có tính kết nối, tạo động lực và sức lan tỏa lớn phục vụ cho phát triển. Đồng thời, tăng cường công tác thẩm định, kiểm tra, giám sát việc thực hiện để đảm bảo tính hiệu quả trong sử dụng nguồn vốn đầu tư công. Huy động từ nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi nước ngoài, nguồn vốn viện trợ để thực hiện đề án, dự án của địa phương trong phát triển cơ sở hạ tầng trọng điểm, tăng cường liên kết vùng, tiểu vùng.

- Sử dụng, quản lý nguồn vốn đầu tư công và các nguồn vốn nhà nước hiệu quả, đóng vai trò hỗ trợ, dẫn dắt để thu hút tối đa nguồn lực từ các thành phần kinh tế khác; tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước; tập trung đầu tư, triển khai các dự án kết cấu hạ tầng giao thông trọng tâm, trọng điểm có tính lan tỏa và kết nối, liên kết vùng. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án; có chế tài xử lý các dự án chậm triển khai thực hiện.

- Phát triển mạnh các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Thực hiện đồng bộ các giải pháp tạo môi trường, điều kiện thuận lợi hỗ trợ đầu tư và sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế.

8. Bảo đảm quốc phòng, an ninh

- Tiếp tục giữ vững ổn định và phát huy vai trò hệ thống chính trị của địa phương; củng cố, kiện toàn bộ máy cũng như cơ chế hoạt động. Triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố, tăng cường thể trận khu vực phòng thủ; quản lý, sử dụng đất quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn, công nghiệp quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 2256/QĐ-BQP ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Bản đồ khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng.

- Xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, vững mạnh, toàn diện, có sức mạnh tổng hợp và trình độ khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống, không để phát sinh điểm nóng về an ninh trật tự; xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

- Xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng công an ở tất cả các cấp, trước mắt là tập trung xây dựng, quy hoạch trụ sở, nơi làm việc bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng công an xã, thị trấn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre trong quá trình thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; trường hợp cần thiết, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre nghiên cứu, xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện thành công các mục tiêu trong Quy hoạch tỉnh.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chịu trách nhiệm về: (i) tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu trong hồ sơ trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (ii) nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan liên quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bến Tre; (iii) đối với các dự án đang xử lý theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án thuộc danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư (nếu có) chỉ được triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

b) Tổ chức công bố, tuyên truyền, phổ biến thông tin rộng rãi tới Nhân dân, các cơ quan, tổ chức liên quan, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài và chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bến Tre, tạo đồng thuận và điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án phát triển đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh Bến Tre.

c) Nghiên cứu, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp để triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh.

d) Báo cáo đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh Bến Tre định kỳ theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ; báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Quy hoạch năm 2017. Chủ động rà soát, kịp thời trình Thủ tướng Chính phủ xem xét việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bến Tre phù hợp với tình hình thực tiễn và điều kiện thực tế tại địa phương theo quy định hiện hành.

đ) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre chủ động đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền và đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định.